

Các yếu tố ảnh hưởng đến khuôn mẫu sử dụng thời gian làm việc nhà của người cao tuổi ở Thành phố Cần Thơ

Factors influencing the older people's pattern of using household time in Can Tho City

Phan Thuận^{1*}

¹Học viện Chính trị khu vực IV, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

*Tác giả liên hệ, Email: phanthuanhv482@gmail.com

THÔNG TIN

DOI: 10.46223/HCMCOUJS.
soci.vi.17.2.2168.2022

Ngày nhận: 20/01/2022

Ngày nhận lại: 08/06/2022

Duyệt đăng: 14/06/2022

Từ khóa:

già hóa dân số; khuôn mẫu sử dụng thời gian; làm việc nhà; người cao tuổi

Keywords:

population aging; use time pattern; household activities; older adults

TÓM TẮT

Mục đích của bài viết là phân tích thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến khuôn mẫu sử dụng thời gian làm việc nhà của Người Cao Tuổi (NCT) ở Thành Phố Cần Thơ (TPCT). Dựa trên kết quả khảo sát 399 NCT từ 60 - 75 tuổi được lựa chọn ngẫu nhiên ở 06 quận/huyện của thành phố Cần Thơ, người cao tuổi dành một khoảng thời gian nhất định cho hoạt động làm việc nhà. Tham gia hoạt động này giúp NCT thể hiện vai trò với gia đình, tạo niềm vui và giảm định kiến xã hội về tuổi già. Để nhận diện các yếu tố có ảnh hưởng đến khuôn mẫu sử dụng thời gian cho hoạt động làm việc nhà, nghiên cứu cũng đã xây dựng mô hình hồi quy tuyến tính và mô hình cho thấy, thời gian sử dụng cho làm việc nhà của NCT trong tuần và cuối tuần khác nhau, tùy thuộc vào giới tính, tuổi, tình trạng việc làm, hoạt động sinh kế, và thu xếp cuộc sống. Đây là cơ sở quan trọng để các nhà quản lý xã hội tham khảo để có những chính sách hỗ trợ cho NCT, giúp họ “sống vui, sống khỏe và sống có ích”.

ABSTRACT

The purpose of this article is to analyze the current situation and factors affecting the pattern of using housework time of the elderly in Can Tho City. Based on the survey results of 399 elderly people aged 60 - 75 randomly selected in 06 districts of Can Tho City, the elderly spend a certain amount of time on housework activities. Participating in this activity helps the elderly demonstrate their role with their family, brings joy, and reduces social prejudices about old age. To identify factors that affect the pattern of using time for housework, the study also built a linear regression model to evaluate the influence of these factors on the pattern of using time for housework. The model demonstrates that the time spent on housework by the elderly varies according to gender, age, employment status, livelihood activities, and stage of life. This is an important basis for social managers to use to have supportive policies for the elderly, helping them to “live a happy, healthy, and useful life”.

1. Giới thiệu nghiên cứu

Hoạt động làm việc nhà là một phần hoạt động trong đời sống của NCT sau khi được nghỉ ngơi (Leitner & Leitner, 2004). Theo Gauthier và Smeeding (2000, 2010) và Mckinnon (1992) thì hoạt động làm việc nhà của NCT được xem là một hoạt động sản xuất mà không tạo ra thu nhập. Các nghiên cứu trước đây đã xác định rằng, hoạt động làm việc nhà (housework activities) là những hoạt động không được trả lương. Hoạt động này thường bao gồm những hoạt động như chăm sóc con cháu, chăm sóc các thành viên trong gia đình, chuẩn bị bữa ăn, dọn dẹp nhà cửa, làm việc, chăm sóc thú cưng, ... (Adjei & Brand, 2018; Hui-fen, Zhen-shan, Dong-qian, & Yang, 2010; Kent & Stewart, 2007; Mckinnon, 1992). Nghiên cứu của Mckinnon (1992) cho thấy, có 82% NCT Canada từ 65 tuổi trở lên tham gia hoạt động này và thời lượng dành cho hoạt động này trung bình là 2.2 giờ/ngày. Một nghiên cứu khác ở Nam Phi, người cao tuổi dành khoảng 3 giờ/ngày cho hoạt động làm việc nhà (Grapsa & Posel, 2016). Ở Mỹ, người cao tuổi thuộc nhóm tuổi từ 55 trở lên dành thời gian làm việc nhà từ 2.5 - 4.6 giờ/ngày (Kent & Stewart, 2007).

Ở Việt Nam, người cao tuổi có vai trò tích cực trong chăm sóc gia đình (Nguyen, 2018). Theo Le (2002, tr. 103), mặc dù tuổi cao sức yếu nhưng họ vẫn luôn tham gia vào hoạt động làm việc nhà để đỡ đần cho con cháu từ việc lo cơm nước, dọn dẹp nhà cửa, chăm sóc vật nuôi, tắm giặt cho các cháu. Một nghiên cứu ở Thanh Hóa cho thấy, có gần 2/3 tổng số NCT tham gia khảo sát cho rằng mức độ tham gia hỗ trợ chăm sóc gia đình một cách thường xuyên (hàng ngày), cụ thể: có tới 67.7% NCT cho rằng họ trông cháu và chăm sóc, 68.8% cho rằng họ giúp việc/nội trợ, 61.9% cho rằng đưa đón các cháu đi học, ... (Le, 2019). Phan (2020) cũng cho thấy, có 12.3% NCT ở Đồng Bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) cho rằng họ tham gia vào hoạt động chăm sóc con cháu, làm việc nhà khi có thời gian rảnh.

Phân bổ thời gian cho hoạt động làm việc nhà đóng vai trò quan trọng đối với NCT. Theo nghiên cứu của Adjei và Brand (2018), những NCT dành 120 phút/ngày cho hoạt động làm việc nhà thì cho rằng sức khỏe của họ tốt hơn. Bởi lẽ, hoạt động làm việc nhà kích thích tốt cho não cho cải thiện nhận thức cho NCT (Henderson, 2021). Không chỉ vậy, các nghiên cứu trong nước (Le, 2010; Nguyen, 2018) cũng phát hiện làm việc giúp cho NCT vui hơn, góp phần hạn chế định kiến đối với tuổi già.

Thành Phố Cần Thơ (TPCT) là trung tâm kinh tế - xã hội ở ĐBSCL. Trong thập niên qua (2009 - 2019), dân số cao tuổi từ 60 trở lên (60+) tăng nhanh từ 7.76% lên 11.98% (General Statistics Office, 2019). Có nghĩa rằng, dân số TPCT đã chính thức bước vào giai đoạn già hóa dân số. So với năm 2009, chỉ số già hóa của thành phố là 59.7% (General Statistics Office, 2019), tăng 24.2 điểm phần trăm (%) (General Statistics Office, 2009), cao hơn 1.2 điểm phần trăm của toàn vùng (58.5%) và cao hơn 10.9 điểm phần so với cả nước (48.8%) (General Statistics Office, 2019). Mặc dù vậy, nghiên cứu về đời sống NCT nói chung, khuôn mẫu sử dụng thời gian của NCT, trong đó khuôn mẫu sử dụng thời gian cho hoạt động làm việc nhà của NCT là một trong chiều cạnh cũng đáng quan tâm bởi nó có ý nghĩa quan trọng đối với chất lượng cuộc sống của NCT. Mặc dù vậy, vấn đề này còn chưa được phản ánh đầy đủ trong các nghiên cứu trước đây. Việc thực hiện nghiên cứu này là nhận diện thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng khuôn mẫu sử dụng thời gian cho hoạt động làm việc nhà của NCT, góp phần bổ sung “khoảng trống” cho các nghiên cứu trước đó và có giá trị tham khảo trong quá trình hoạch định chính sách để hỗ trợ của thành phố trong bối cảnh già hóa dân số.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Một số khái niệm

Quỹ thời gian (Time budget) được xem là nhật ký hoạt động của con người theo một trình

tự hoặc thời lượng nhất định trong khoảng thời gian cụ thể, thông thường là 24 giờ/ngày (Time Budgets, n.d.). Quỹ thời gian được xem như công cụ nghiên cứu đã được sử dụng trong các nghiên cứu về lối sống, xã hội học giải trí và các nghiên cứu về già hóa và những chiều cạnh khác trong cuộc sống. Quỹ thời gian được chia làm loại: (1) thời gian dành cho công việc trả lương và học tập; (2) thời gian dành cho hoạt động sinh lý; (3) thời gian dành cho các hoạt động nghĩa vụ (như làm việc nhà) và (4) thời gian rỗi (Andorka, 1987; Chu Khac, 1988).

Theo Hill (1985, tr.133), “khuôn mẫu sử dụng thời gian” được xem xét là “tổng số lượng thời gian được sử dụng cho nhiều hoạt động và sự biến đổi sử dụng thời gian thông qua nhiều ba chiều cạnh khác nhau như đặc trưng nhân khẩu, đặc trưng vùng miền theo địa lý và không gian, đặc trưng theo mùa trong năm”. Tương tự, nhóm tác giả Gauthier và Smeeding (2000), khuôn mẫu sử dụng thời gian là cách con người ta sử dụng thời gian vào các hoạt động được trả lương, làm việc nhà, hoạt động trong thời gian rỗi, khi họ còn tham gia vào lực lượng lao động hoặc nghỉ hưu, ... việc sử dụng thời gian này phụ thuộc vào tình trạng việc làm, giới tính. Theo đó, *khuôn mẫu sử dụng cho hoạt động làm việc nhà của NCT là tổng lượng thời gian của một ngày mà NCT dành cho các hoạt động làm việc nhà*.

Theo Luật Người cao tuổi (2009), công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên, đối với cả nam và nữ được xem là NCT (The National Assembly, 2009).

2.2. Tổng quan nghiên cứu

Theo Gauthier và Smeeding (2000, 2010) và Mckinnon (1992), hoạt động làm việc nhà của NCT được xem là một hoạt động không tạo ra thu nhập, những hoạt động không được trả lương. Hoạt động làm việc nhà (housework activities) bao gồm những hoạt động như chăm sóc con cháu, chăm sóc các thành viên trong gia đình, chuẩn bị bữa ăn, dọn dẹp nhà cửa, làm việc, chăm sóc thú cưng, ... (Adjei & Brand, 2018; Hui-fen & ctg., 2010; Kent & Stewart, 2007; Mckinnon, 1992).

Các nghiên cứu trước đây đã đưa ra nhiều yếu tố ảnh hưởng đến khuôn mẫu sử dụng thời gian cho hoạt động làm việc nhà. Các nghiên cứu trước đây cũng cho thấy rằng, giới tính, trình độ học vấn, tình trạng sức khỏe là những yếu tố có ảnh hưởng đến khuôn mẫu sử dụng thời gian cho hoạt động làm việc nhà của NCT. Nam giới cao tuổi ít dành thời gian cho làm việc nhà hơn nữ giới cao tuổi (Adjei & Brand, 2018; Grapsa & Posel, 2016; Nguyen, 2018). Người cao tuổi có trình độ học vấn cao ít dành thời gian cho làm việc nhà hơn so với những có trình độ học vấn thấp (Arriagada, 2018). Tuổi càng cao thì thời gian dành hoạt động làm việc nhà càng ít hơn, trung bình thời gian làm việc nhà của NCT từ 60 - 64 là 4.2 giờ/ngày giảm xuống còn 3.9 giờ/ngày ở nhóm NCT từ 70 tuổi trở lên (Kent & Stewart, 2007). Nghiên cứu của nhóm tác giả Gauthier và Smeeding (2003) cho thấy, thời gian dành hoạt động làm việc nhà của NCT ở một số quốc gia có sự khác nhau về tình trạng việc làm. Người cao tuổi có việc làm toàn thời gian thì thời gian làm việc nhà của họ chỉ có 2.3 giờ/ngày so với 3.0 giờ/ngày của NCT làm việc bán thời gian và 3.4 giờ/ngày của NCT không có việc làm. Mặc dù vậy, một số yếu tố như thu xếp cuộc sống, nguồn thu nhập của NCT chưa được đề cập trong các nghiên cứu trước đó. Cho nên, nghiên cứu này không chỉ phân tích các yếu tố nghiên cứu trước mà còn xem xét các yếu tố thu xếp cuộc sống, hoạt động sinh kế của NCT có ảnh hưởng đến khuôn mẫu sử dụng thời gian cho hoạt động làm việc nhà như thế nào, ...

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp phân tích tài liệu có sẵn, để hình thành khung phân tích nghiên cứu thì nghiên cứu đã sử dụng phương pháp phân tích tài liệu; các báo cáo, thống kê của địa phương. Mục đích của phương pháp này là hình thành những ý tưởng và khung phân tích nghiên cứu.

Phương pháp thu thập thông tin, nghiên cứu cũng thực hiện thu thập thông tin bằng bảng hỏi và phỏng vấn sâu. Cuộc khảo sát được diễn ra trong quý 1 của năm 2021. Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 399 đối tượng là NCT từ 60 - 75 tuổi tại 06 quận, huyện TPCT như Cái Răng, Bình Thủy, Phong Điền, Ninh Kiều, Thới Lai và Vĩnh Thạnh (ước tính sai số cho phép là 5%) để phỏng vấn bằng bảng hỏi. Mục đích là để mô tả, nhận diện và phân tích các yếu tố ảnh hưởng khuôn mẫu sử dụng thời gian cho hoạt động làm việc nhà của NCT. Ngoài ra, nghiên cứu còn lựa chọn ngẫu nhiên 15 người trong nhóm NCT khảo sát bằng bảng hỏi để thực hiện phỏng vấn sâu, thời gian phỏng vấn sâu dao động từ 45 - 60 phút/cuộc. Các dữ liệu định tính từ phỏng vấn sâu nhằm làm rõ và lý giải thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến khuôn mẫu sử dụng thời gian từ quan điểm của NCT.

Các tiêu chí để chọn mẫu gồm: giới tính, nhóm tuổi, khu vực sống, tỷ trọng NCT ở các địa phương. Nhóm NCT từ 60 - 75 tuổi được lựa chọn nghiên cứu là do, thứ nhất, nhóm tuổi này còn có khả năng tham gia nhiều hoạt động trong đời sống xã hội và các hoạt động của họ khá đa dạng; thứ hai, nhóm NCT vẫn còn minh mẫn để tham gia phỏng vấn của nghiên cứu; thứ ba, do nguồn lực của nghiên cứu còn hạn chế cho nên không thể mở rộng khách thể ở các nhóm tuổi cao hơn.

Tiếp cận đối tượng khảo sát, nghiên cứu tiếp xúc đối tượng khảo sát thông qua Hội NCT, cán bộ Trung tâm nuôi dưỡng NCT, ... để thu thập thông tin một cách phong phú hơn và đảm bảo tính đại diện. Nghiên cứu phỏng vấn đối tượng khảo sát dựa trên những ghi nhớ về thời gian mà NCT đã tham gia các hoạt động. Do đó, điều tra viên phải động viên, gợi ý để NCT có thể nhớ thời gian một cách chính xác nhất. Do trong bảng hỏi nghiên cứu có đưa ra nhóm các hoạt động của ngày hôm qua và ngày cuối tuần cho nên điều tra viên phải thực hiện phỏng vấn vào các ngày thứ ba đến thứ sáu trong tuần. Cách thức này hạn chế tình trạng ngày hôm qua trùng với các ngày cuối tuần.

Cơ cấu mẫu, độ tuổi trung bình của NCT được khảo sát là 66.4 tuổi; trong đó, nhóm tuổi từ 60 - 64 chiếm 36.1%; 65 - 69 tuổi chiếm 37.3% và từ 70 - 75 tuổi chiếm 22.6%. Với 399 người cao tuổi được lựa chọn ngẫu nhiên để khảo sát, có 68.4% NCT sống ở thành thị và 31.6% sống ở nông thôn; nam cao tuổi chiếm 44.9%, nữ cao tuổi chiếm 55.1%. Có 58.4% NCT đánh giá mức sống của họ thuộc nhóm trung bình; 27.1% thuộc nhóm khá giả trở lên và 14.5% thuộc nhóm cận nghèo trở xuống.

Phương pháp phân tích số liệu

Nghiên cứu đã sử dụng thống kê mô tả để nhận diện thực trạng khuôn mẫu sử dụng thời gian cho hoạt động làm việc nhà của NCT. Đồng thời, nghiên cứu sử dụng phân tích mối quan hệ thông qua kiểm định T-Test, Oneway-Anova để làm rõ mối quan hệ liên hệ và xây dựng mô hình hồi quy để xác định các yếu tố ảnh hưởng. Mô hình hồi quy đa biến được sử dụng như sau:

$$Y_i = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \beta_4 X_4 \dots + \beta_i X_i + \epsilon_i \quad (1)$$

Trong đó, Y_i là thời gian dành cho hoạt động làm việc nhà; β_i là tham gia số của mô hình hồi quy, X_i là các biến số độc lập trong mô hình và ϵ_i là sai số của mô hình hồi quy có phân phối chuẩn.

Từ những tổng hợp và phân tích các nghiên cứu trước đó, mô hình hồi quy đa biến về các yếu tố ảnh hưởng đến khuôn mẫu sử dụng thời gian cho hoạt động làm việc nhà của NCT được xây dựng như sau:

Bảng 1

Mô hình biến số ảnh hưởng đến khuôn mẫu sử dụng thời gian cho hoạt động làm việc nhà của người cao tuổi

STT	Tên biến số ảnh hưởng và chỉ báo	Nguồn	Mô tả
1	Giới tính (nam/nữ)	Arriagada (2018); Kent và Stewart (2007); Ha (2007); Phan (2020)	1 = Nam 0 = Nữ
2	Học vấn	Stobert, Dosman, và Keating (2005); Arriagada (2018), Ha (2007)	Lớp
5	Tài chính, điều kiện kinh tế (có/không có thu nhập; khá giả/trung bình/ngheò; nguồn sinh kế)	Sniadek và Zajadacz (2010), Arriagada (2018), Ana, Rusac, và Ana (2013); Ha (2007); Nguyen (2009); Grapsa và Posel (2016)	1 = Khá giả 0 = Trung bình/ngheò
6	Tuổi (60 - 64, 65 - 69, 70 - 75)	Arriagada (2018); Kent và Stewart (2007)	Nhóm tuổi 70 - 75 = 1; 60 - 69 = 0
7	Tình trạng việc làm (đang có/không có việc làm)	Kent và Stewart (2007)	1 = Có 0 = Không
8	Thu xếp cuộc sống (sống với con cái)		1 = Có 0 = Không
9	Nhu cầu giao lưu với bạn bè		1 = Có 0 = Không
10	Sinh kế (buôn bán)		1 = Có 0 = Không

Nguồn: Tác giả tổng hợp

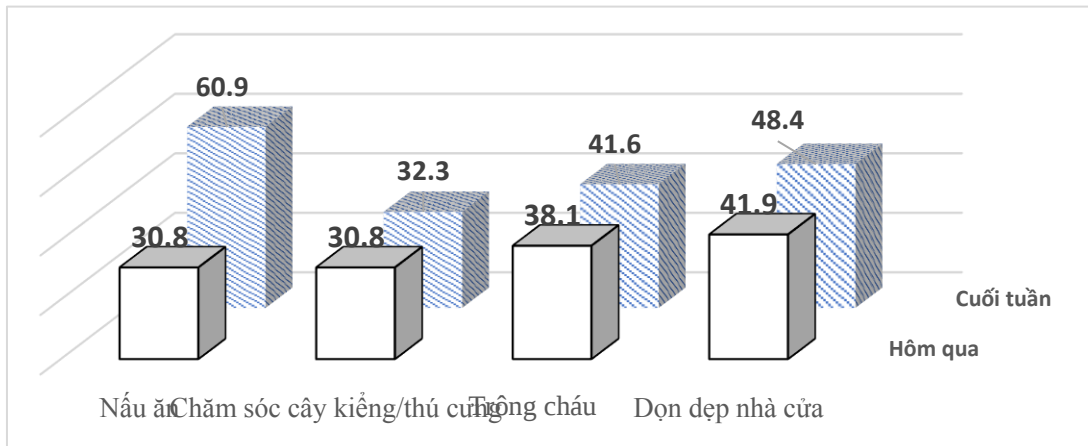
Biến số phụ thuộc là thời gian được phân bổ cho hoạt động làm việc nhà (thang đo tỷ lệ). Các hệ số trong mô hình được quan tâm: R^2 (sự phù hợp của mô hình), hệ số Beta (cường độ tác động của biến độc lập) và VIF (biểu hiện đa cộng tuyến của các biến số).

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng khuôn mẫu sử dụng thời gian làm việc nhà của người cao tuổi thành phố Cần Thơ

Kết quả khảo sát ở TPCT cho thấy, có 85.5% NCT tham gia hoạt động làm việc nhà của ngày hôm qua và 94.0% NCT tham gia làm việc của ngày cuối tuần trước. Trong đó, tỷ lệ NCT tham gia hoạt động dọn dẹp nhà cửa vào ngày hôm qua chiếm cao nhất (41.9%) và tỷ lệ này tăng lên vào ngày cuối tuần (48.4%); hoạt động trông cháu cũng tăng từ 38.1% của ngày hôm qua lên 41.6% của ngày cuối tuần, đặc biệt tỷ lệ NCT tham gia hoạt động nấu ăn tăng mạnh từ 30.8% của ngày hôm qua lên 60.9% của ngày cuối tuần (xem Hình 1). Sở dĩ có sự chuyển dịch này là do cháu của họ đã đi được gửi nhà trẻ vào ngày trong tuần cho nên họ không phải trông cháu. Hơn nữa, các gia đình thường có xu hướng quay quần bên nhau trong những ngày cuối cho nên NCT muốn tự mình nấu bữa cơm gia đình. Điều này cho thấy, giá trị văn hóa gia đình vẫn còn gìn giữ ở vùng đất Tây Đô trong bối cảnh xã hội đang chuyển đổi nhanh. Mặt khác, một bộ phận NCT vẫn còn

tham gia hoạt động kinh tế cho nên tỷ lệ này ít hơn vào ngày trước khi phỏng vấn. Rõ ràng, người cao tuổi TPCT dường như bận rộn cho công việc nhà vào những ngày cuối tuần.



Hình 1. Người cao tuổi có tham gia hoạt động làm việc nhà

Nguồn: Số liệu khảo sát (2021)

Về phân bổ thời gian trong một ngày cho các hoạt động làm việc nhà, kết quả phân tích cho thấy, người cao tuổi ở TPCT có tham gia hoạt động làm việc nhà đã dành thời gian cho hoạt động này vào ngày hôm qua và ngày cuối tuần trước ngày khảo sát dao động từ 2.8 giờ - 3.2 giờ/ngày. Trong đó, thời gian cho từng hoạt động làm việc nhà của NCT là khác nhau và có sự chênh lệch giữa ngày cuối tuần và hôm qua (xem Bảng 2).

Bảng 2

Thời gian bình quân của mỗi người cao tuổi có tham gia hoạt động làm việc nhà (phút/ngày)

	Số lượng	Thấp nhất	Cao nhất	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Thời gian hoạt động làm việc nhà của ngày hôm qua	341	30	645	179.12	109.29
+ Nấu ăn	124	30	300	124.23	61.15
+ Trồng cháu	155	15	480	138.48	110.19
+ Dọn dẹp nhà cửa	167	45	180	104.64	27.65
+ Chăm sóc cây kiểng/thú cưng	122	10	120	53.29	62.77
Thời gian hoạt động làm việc nhà của ngày cuối tuần	375	30	630	198.82	114.18
+ Nấu ăn	243	15	300	127.94	52.42
+ Trồng cháu	166	15	480	131.75	110.81
+ Dọn dẹp nhà cửa	194	40	150	110.21	20.51
+ Chăm sóc cây kiểng/thú cưng	129	10	120	55.29	41.94

Nguồn: Số liệu khảo sát (2021)

Câu hỏi đặt ra, tại sao NCT tham gia vào hoạt động làm việc nhà? Từ những kết quả định tính thông qua phỏng vấn sâu đã cho thấy, người cao tuổi tham gia làm việc nhà có rất nhiều lý do. Đa số NCT đều thừa nhận rằng, làm việc nhà vừa là trách nhiệm của bản thân đối với con cháu

vừa là niềm vui. Thông qua chơi cùng với cháu, bản thân họ cũng cảm thấy vui bởi sự tẻ nhạt của tuổi già. Mặt khác, cũng không ít cụ cho rằng, nếu không tham gia làm việc thì bản thân của họ cũng xem là gánh nặng của con cháu.

“Vì cô ở chung với đứa cháu cho nên khi đi bán về, cũng phải phụ nó nấu cơm khi nó đi làm chưa về. Nếu không thì nó bảo mình không làm” (PVS Nữ, 65 tuổi, bán vé số, thành thị, Quận Ninh Kiều).

“Trông cháu nhiều khi cũng mệt vì bọn chúng tinh nghịch nhưng bù lại mình cảm thấy vui” (PVS Nữ, 62 tuổi, nội trợ, nông thôn, huyện Phong Điền).

Nghiên cứu Adjei và Brand (2018) cho thấy, làm việc nhà có liên quan đến tình trạng sức khỏe của NCT. Nếu NCT dành 120 phút/ngày cho các hoạt động làm việc như nấu ăn, lau nhà thì sức khỏe tốt hơn so với những không tham gia hoạt động này, bởi các hoạt động này là những bài tập thể dục erobic nhẹ và điều này giúp cho NCT cải thiện được sức khỏe. Rõ ràng, làm việc nhà được coi như là bài thể dục để giúp cho NCT vận động tay chân nhằm giúp cho khí huyết được lưu thông. *“Sau khi nghỉ hưu, cô không có chuyện để làm nên thấy cũng buồn tay, buồn chân, thành thử giúp con cháu nấu ăn, lau nhà, trông cháu để cho cảm thấy mình có việc để làm. Coi như mình vận động thôi.”* (PVS Nữ, 61 tuổi, cán bộ hưu trí, thành thị, Quận Cái Răng). Từ lợi ích này, liệu NCT ở TPCT có hài lòng như thế nào khi làm việc nhà? và kết quả kiểm định mối quan hệ này bằng Anova cho thấy, mối quan hệ này chỉ có ý nghĩa ở nhóm thời gian mà NCT dành cho hoạt động làm việc nhà từ 2 giờ/ngày trở xuống và trên 2 giờ/ngày vào ngày hôm qua; mối quan hệ này không tìm thấy ngày cuối tuần. Người cao tuổi dành thời gian làm việc nhà dưới 2 giờ/ngày có mức độ hài lòng cao hơn so với nhóm NCT làm việc nhà trên 2 giờ/ngày vào ngày hôm qua (xem Bảng 3).

Bảng 3

Mối quan hệ giữa thời gian làm việc nhà với sự hài lòng cuộc sống của người cao tuổi

	Nhóm thời gian làm việc nhà	Số lượng	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Anova Test
Hôm nay	Từ 2 giờ trở xuống	143	3.12	0.92	P = 0.045
	Trên 2 giờ	198	2.90	1.05	
	Tổng	341	3.00	1.00	
Cuối tuần	Từ 2 giờ trở xuống	149	3.05	1.04	P = 0.543
	Trên 2 giờ	226	2.98	1.01	
	Tổng	375	3.00	1.00	

Nguồn: Số liệu khảo sát (2021)

Như vậy, người cao tuổi dành một lượng thời gian nhất định để làm việc nhà (dưới 2 giờ/ngày) thì sẽ góp phần làm cho cuộc sống của họ thêm ý nghĩa hơn. Song, nếu NCT dành quá nhiều thời gian (trên 2 giờ/ngày) thì khiến họ không thoải mái. Bởi lẽ, thời gian dành cho hoạt động làm việc nhà quá nhiều là rào cản để NCT tham gia các hoạt động khác (Nguyen, 2018) và mặt khác sức khỏe của họ cũng để đảm bảo tham gia các hoạt động làm việc nhà. Nhóm NCT có sức khỏe không tốt dành thời gian làm việc nhà dưới 2 giờ/ngày có mức độ hài lòng là 3.24/5 điểm so với nhóm có thời gian trên 2 giờ/ngày (2.88 điểm, $p = 0.043$). Câu hỏi đặt ra tại sao mối quan hệ chỉ có ý nghĩa vào ngày hôm qua mà không có ý nghĩa vào ngày cuối tuần? Vấn đề này được

giải thích rằng, khi ở chung với con cái, đa số NCT làm việc nhà để san sẻ trách nhiệm với các thành viên trong gia đình. Hơn nữa, đa số con cái của họ thường đi làm nên hoạt động làm việc nhà đã trở thành công việc chính của NCT vào các ngày trong tuần.

4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến khuôn mẫu sử dụng thời gian làm việc nhà của người cao tuổi thành phố Cần Thơ

Thời gian làm việc nhà của nữ giới cao tuổi là 133.71 phút/ngày so với 100.39 phút/ngày của nam giới cao tuổi vào ngày trong tuần và thời gian cho hoạt động này vào cuối tuần lần lượt là 153.50 phút/ngày và 100.33 phút/ngày. Người cao tuổi còn tham gia hoạt động kinh tế thì dành khoảng 90.27 phút/ngày để làm việc nhà vào ngày trong tuần so với 140.24 phút/ngày của NCT không còn tham gia hoạt động kinh tế. Thời gian cho hoạt động này của ngày cuối tuần lần lượt là 113.4 phút và 136 phút. Trong đó, người cao tuổi có nguồn thu nhập từ buôn bán, làm thuê dành thời gian cho làm việc nhà là 82.9 phút và 72.0 phút vào ngày trong tuần; 97.4 phút và 100.7 phút vào ngày cuối tuần. Người cao tuổi sống ở trung tâm nuôi dưỡng người già hoặc nơi khác chỉ làm việc nhà khoảng 51.25 phút/ngày vào trong tuần và 48.1 phút vào ngày cuối tuần. Trong khi đó, người cao tuổi sống ở nhà riêng làm việc nhà là 150.6 phút/ngày vào trong tuần và 123.5 phút vào ngày cuối tuần; người cao tuổi sống ở nhà con cháu thì dành 257.1 phút để làm việc nhà vào ngày trong tuần và 176.4 phút vào ngày cuối tuần. Người cao tuổi từ 60 - 64 tuổi dành 135.6 phút/ngày cho hoạt động làm việc nhà vào ngày trong tuần và lượng thời gian này giảm dần theo nhóm tuổi: 120.0 phút/ngày của nhóm tuổi từ 65 - 69 và 100 phút/ngày của nhóm tuổi 70 - 75; thời gian dành cho hoạt động này vào ngày cuối tuần theo nhóm tuổi trên lần lượt là 143.1 phút, 139.8 phút và 86.5 phút. Như vậy, thời gian dành cho hoạt động làm việc nhà có sự khác nhau theo giới tính, tình trạng việc làm, nguồn thu nhập và thu xếp cuộc sống. Phát hiện này vừa củng cố cho tính phù hợp của các nghiên cứu trước đó và bổ sung các yếu tố ảnh hưởng đến khuôn mẫu sử dụng thời gian của NCT như yếu tố thu xếp cuộc sống và nguồn thu nhập mà điều này phù hợp với bối cảnh của TPCT.

Trên cơ sở phân tích mô tả mối quan hệ giữa các đặc trưng nhân khẩu học với sử dụng thời gian làm việc nhà của NCT. Nghiên cứu đã phân tích 02 mô hình ảnh hưởng đến khuôn mẫu sử dụng thời gian làm việc nhà của NCT vào ngày trong tuần và cuối tuần. Các biến số ảnh hưởng đến sử dụng thời gian làm việc của NCT được thể hiện rõ ở Bảng số liệu 4.

Ở mô hình 1 cho thấy, có 08 biến độc lập tác động đến sử dụng thời gian làm việc nhà của NCT ở TPCT. Với hệ số $R^2 = 0.480$, $\text{sig} < 0.05$ và hệ số $\text{VIF} < 2$ cho thấy, sự thay đổi của các biến số độc lập trong mô hình làm thay đổi biến số sử dụng thời gian làm việc nhà của NCT xác suất là 48.0% và không có hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra. Điều này cho thấy, mô hình phân tích mối quan hệ giữa các biến số độc lập và phụ thuộc là hoàn toàn phù hợp. Đa số các biến số độc lập đều có tác động ngược chiều với khuôn mẫu sử dụng thời gian làm việc nhà của NCT, tức là nếu sự tăng lên hay giảm xuống một đơn vị của biến số độc lập thì thời gian làm việc nhà của NCT cũng giảm xuống hoặc tăng lên một khoảng thời gian tương ứng. Sự thay đổi của biến số NCT còn tham gia hoạt động kinh tế, tham gia hoạt động sinh kế buôn bán dẫn đến thay đổi thời gian làm việc nhà của NCT với xác suất là 19.1% và 12.3%. Trong khi đó, biến số thu xếp cuộc sống về tình trạng sống chung với con cái có mối quan hệ cùng chiều với thời gian làm việc nhà của NCT. Nếu tăng lên một đơn vị phần trăm NCT sống chung với con cái thì thời gian làm việc nhà của NCT có khả năng tăng lên 29.5 phút/ngày với xác suất là 13.3%. Các biến số còn lại trong mô hình không có ý nghĩa thống kê.

Bảng 4

Mô hình phân tích ảnh hưởng của các yếu tố đến khuôn mẫu sử dụng thời gian trong hoạt động làm việc nhà

Mô hình	Tên biến số	B	Hệ số Beta	P	VIP
1 Hôm qua	Hằng số	230.089		0.000	
	Còn tham gia hoạt động	-43.349	-0.191	0.002	1.498
	Buôn bán	-36.543	-0.123	0.049	1.497
	Nhóm khá giả so với nhóm khác	-28.177	-0.115	0.030	1.061
	Đang có vợ chồng	-27.041	-0.113	0.045	1.227
	Nhóm tuổi 70 - 75	-27.102	-0.112	0.038	1.109
	Có nhu cầu giao lưu với bạn bè	-9.316	-0.039	0.469	1.119
	Giới tính	4.446	0.020	0.695	1.041
	Chung sống với con cái	29.538	0.133	0.012	1.060
	N = 341, R ² = 0.480				
2 Cuối tuần	Hằng số	217.053		0.000	
	Nhóm tuổi 70 - 75	-64.102	-0.247	0.000	1.118
	Buôn bán	-47.430	-0.160	0.007	1.463
	Còn tham gia hoạt động	-29.612	-0.128	0.032	1.471
	Có nhu cầu giao lưu với bạn bè	-16.664	-0.168	0.015	1.086
	Nhóm khá giả so với nhóm khác	-15.748	-0.162	0.021	1.062
	Đang có vợ chồng	8.386	0.034	0.512	1.119
	Giới tính	9.191	0.140	0.018	1.039
	Chung sống với con cái	4.012	0.017	0.733	1.082
	N = 373, R ² = 0.468				

Nguồn: Số liệu khảo sát (2021)

Ở mô hình 2, có 08 biến số độc lập tác động đến thời gian làm việc nhà của NCT vào ngày cuối tuần. Có hai nhóm biến số tác động đến khuôn mẫu sử dụng thời gian làm việc nhà của NCT. Nhóm thứ nhất tác động cùng chiều với khuôn mẫu sử dụng thời gian làm việc nhà của NCT, gồm biến số giới tính, thu xếp cuộc sống (sống ở nhà con cháu). Nhóm thứ hai là nhóm biến số có tác động ngược chiều với khuôn mẫu sử dụng thời gian làm việc nhà của NCT, gồm các biến số như nhóm tuổi (70 - 75 tuổi), hoạt động sinh kế buôn bán, tình trạng còn tham gia hoạt động kinh tế, mức sống khá giả và nhu cầu giao lưu. Sự thay đổi một đơn vị phần trăm của các biến số này thì có khả năng làm giảm thời gian làm việc nhà của NCT trong một ngày.

5. Bàn luận

Từ các bằng chứng khảo sát ở TPCT, người cao tuổi ở vùng đất Tây Đô đã dành một lượng thời gian gần 1/8 thời gian trong ngày để tham gia hoạt động làm việc nhà. Phát hiện này khá thống nhất với các nghiên cứu quốc tế trước đó, người cao tuổi ở Mỹ làm việc nhà dao động từ 2.5 - 4.6 giờ/ngày tùy thuộc vào tình trạng việc làm và giới tính (Kent & Stewart, 2007), ở Nam Phi là 3 giờ/ngày, ở Canada là 2.2 giờ/ngày, ở nông thôn Trung quốc là 4.6 giờ (Zhang & Qiu, 2020), ở Thái Lan là 2.79 giờ. Mặc dù có khác nhau về không gian và thời gian nghiên cứu nhưng NCT thời gian trung bình dành cho hoạt động làm việc nhà của các nghiên cứu khá thống nhất với nhau. Sở dĩ là do, người cao tuổi đóng vai trò tích cực trong gia đình. Tuy nhiên, điểm khác biệt ở đây là NCT ở các nước làm việc nhà thường nấu ăn, lau dọn nhà, chăm sóc cây kiểng, ... nhưng NCT ở TPCT dành nhiều thời gian hoạt động trông cháu. Điều này được lý giải rằng cấu trúc gia đình ở vùng đất “Cầm Thi” vẫn còn đan xen gia đình hạt nhân và mở rộng, cộng với tâm lý NCT vẫn còn thích sống chung với con cái (Phan, 2020).

Như vậy, các mô hình ở Bảng 3 đã cho thấy mối quan hệ và cường độ tác động giữa các đặc trưng nhân khẩu học - xã hội với sử dụng thời gian làm việc nhà của NCT. Người cao tuổi còn tham gia hoạt động kinh tế dành ít thời gian làm việc nhà hơn so với những không còn tham gia hoạt động kinh tế. Sự khác biệt về thời gian làm việc nhà còn phụ thuộc nguồn thu nhập của họ. Điều này đúng cho cả hai mô hình của ngày hôm qua và cuối tuần. Phát hiện này khá thống nhất với các nghiên cứu trước đó (Kent & Stewart, 2007; Gauthier & Smeeding, 2000). Ngoài ra, mô hình “cuối tuần” ở Bảng số liệu 3 cũng cho thấy, khuôn mẫu giới chi phối thời gian làm việc nhà của NCT chỉ diễn ra vào ngày cuối tuần. Bên cạnh đó, biến số nhu cầu giao lưu với bạn bè chỉ có ý nghĩa ở mô hình 2 của ngày cuối tuần. Phải chăng điều này chỉ đúng với những NCT vẫn còn tham gia hoạt động kinh tế.

Rõ ràng, thời gian làm việc nhà NCT chịu chi phối nhiều yếu tố đặc trưng nhân khẩu - xã hội và điều này còn phụ thuộc vào thời gian làm việc nhà vào ngày trong tuần hay cuối tuần. Thời gian của NCT dành cho hoạt động làm việc nhà còn tùy thuộc vào tình trạng việc làm của NCT. Nếu NCT còn tham gia hoạt động kinh tế thì họ ít dành thời gian cho hoạt động này. Đặc biệt đối với những NCT đang thực hiện sinh kế buôn bán, làm thuê/mướn. Nam giới cao tuổi ít dành thời gian cho việc nhà hơn nữ cao tuổi; song sự khác biệt này không nhiều trong bối cảnh nghiên cứu ở TPCT và điều này cho thấy, khuôn mẫu giới chi phối không khắt khe đối với NCT ở TPCT. Người cao tuổi sống với con cháu thì dành nhiều thời gian cho hoạt động làm việc nhà hơn so với những người khác. Ngược lại những sống ở trung tâm nuôi dưỡng người già hoặc nơi khác (không phải nhà riêng hoặc nhà con cháu) thì dành ít thời gian cho hoạt động này. Người cao tuổi càng nhiều tuổi thì cũng ít phân bổ thời gian cho hoạt động này trong ngày cuối tuần. Nghiên cứu còn cho thấy, nếu tăng hoặc giảm một đơn vị phần trăm của các đặc trưng về thu xếp cuộc sống, tình trạng việc làm, hoạt động sinh kế thì cũng làm tăng hoặc giảm một lượng thời nhất định của NCT dành cho hoạt động làm việc nhà. Đây là cơ sở quan trọng có giá trị tham khảo để TPCT đưa ra nhiều chương trình, hoạt động phù hợp nhằm giảm áp lực đối với nhóm NCT vừa kiếm tiền vừa làm việc nhà.

Tài liệu tham khảo

- Adjei, K. N., & Brand, T. (2018). Investigating the associations between productive housework activities, sleep hours and self-reported health among elderly men and women in western industrialised countries. *BMC Public Health*, 18, 2-10.
- Ana, S., Rusac, S., & Ana, S. (2013). Spending leisure time in retirement. *Periodicum Biologorum*, 115(4), 567-574.

- Andorka, R. (1987). Time budgets and their uses. *Annual Reviews of Sociology*, 13(1), 149-164.
- Arriagada, P. (2018). *A day in the life: How do older Canadians spend their time?* Truy cập ngày 29/03/2020 tại <https://www150.statcan.gc.ca/n1/pub/75-006-x/2018001/article/54947-eng.htm>
- Chu Khắc (1988). The issue of time budget in daily family activities. *Journal of Sociology*, 3(4), 97-101.
- Gauthier, A. H., & Smeeding, T. (2000). *Time use at older ages: Cross-national differences*. Paris, France: OECD.
- Gauthier, A. H., & Smeeding, T. M. (2003). Time use at older ages: Cross-national differences. *Research on Aging*, 25(3), 247-274.
- General Statistics Office. (2009). *Census and housing results in 2009*. Hanoi, Vietnam: Statistical Publishing House.
- General Statistics Office. (2019). *Census and housing results in 2019*. Hanoi, Vietnam: Statistical Publishing House.
- Grapsa, E., & Posel, D. (2016). Sequencing the real time of the elderly: Evidence from South Africa. *Demographic Research*, 35, 711-744.
- Guathier, H. A., & Smeeding, M. T. (2010). Historical trends in the patterns of time use older adults. *Ageing in Advanced Industrial State International Studies in Population*, 8, 289-310.
- Ha, K. T. M. (2007). Women and men's use of leisure time. *Journal of Family and Gender Studies*, 1, 20-34.
- Henderson, E. (2021). *Engaging in household chores may be beneficial for brain health in older adults*. Truy cập ngày 21/07/2021 tại <https://www.news-medical.net/news/20210416/Engaging-in-household-chores-may-be-beneficial-for-brain-health-in-older-adults.aspx>
- Hill, S. M. (1985). Patterns of time use. In F. T. Juster & F. P. Stafford (Eds.), *Time goods and well-being* (pp. 133-176). Ann Arbor, MI: University of Michigan, Institute for Social Research.
- Hui-fen, Z., Zhen-shan, L., Dong-qian, X., & Yang, L. (2012). Time use patterns between maintenance, subsistence and leisure activities: A case study in China. *Social Indicator Research*, 105, 121-136.
- Kent, K. R., & Stewart, J. (2007). How do older American spend their time? Time ues studies: Older Americans. *Monthly Labor Review*, 8-26.
- Le, H. T. (2019). Elderly people taking care of children and grandchildren in the family in Thanh Hoa. *Journal of Indian and Asian Studies*, 12(83), 60-66.
- Le, L. N. (2010). *Some basic issues about the elderly in Vietnam for the period 2011-2020*. Hanoi, Vietnam: Institute of Family and Gender.
- Le, V. N. (2002). *Vietnamese family and women in the family in the period of industrialization and modernization of the country*. Hanoi, Vietnam: Social Science Publishing House.
- Leitner, M. J., & Leitner, S. F. (2004). *Leisure in later life*. New York, NY: The Haworth Press.
- Mckinnon, L. A. (1992). Time use for self - care, productivity, and leisure among elderly Canadians. *Canadian Journal of Occupational Therapists*, 38(2), 102-109.

- Nguyen, H. T. N. (2018). *The role of the elderly in the family in the suburbs of Hanoi*. Truy cập ngày 14/07/2021 tại <http://gopfp.gov.vn/chi-tiet-an-pham/-/chi-tiet/vai-tro-cua-people-high-age-in-house-%C4%91inh%0Ao-vung-ven-%C4%91o-ha-noi-8321-3308.html>
- Nguyen, M. T. (2009). The reality of using free time of rural people in the Northern Delta (Case study of Trinh Xa commune, Binh Luc district, Ha Nam Province). *Journal of Sociology*, 4, 60-70.
- Phan, T. (2020). Social life of elderly people in the Mekong Delta in the context of population aging. *Southern Journal of Social Sciences*, 4(260), 24-32.
- Sniadek, J., & Zajadacz, A. (2010). Senior citizens and their leisure activity: Understanding leisure behaviour of elderly people in Poland. *Studies in Physical Culture and Tourism*, 17(2), 193-204.
- Stobert, S., Dosman, D., & Keating, N. (2005). *General social survey on time use: Cycle19. Aging well: Time use patterns of older Canadians (Catalogue no. 89-622-XIE)*. Ottawa, ON: Statistics Canada.
- The National Assembly. (2009). *Law No. 39/2009/QH12 on November 23, 2019 about Law on elderly*. Truy cập ngày 14/07/2021 tại <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Law-No-39-2009-QH12-on-the-elderly-106095.aspx>
- Time Budgets. (n.d.). Truy cập ngày 15/02/2021 tại <https://www.encyclopedia.com/>
- Zhang, Z., & Qiu, Z. (2020). Exploring daily activity patterns on the typical day of older adults for supporting aging-in-place in China's rural environment. *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 17(22), 1-20.

